

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG NAM TRADING AND INVESTMENT PRODUCTION JOINT STOCT COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108614823

3. Ngày thành lập: 18/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, hẻm 92/19/2, phố Nguyễn Sơn, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
2.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp như mài hoặc lắp đặt lưới và răng cưa máy móc công nghiệp hoặc thương mại hoặc cung cấp dịch vụ hàn sửa chữa; sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp và các máy móc nặng	3312
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Hệ thống chống sét, + Hệ thống gas + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659

18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào... - Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm. - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663(Chính)
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá)	4781
22.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
23.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
24.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Làm thủ tục cho tàu vào/ra cảng; thu xếp tàu lai dắt, hoa tiêu, bố trí cầu bến, nơi neo đậu tàu biển để thực hiện bốc dỡ hàng hóa, đưa đón khách lên tàu; - Thông báo thông tin cần thiết cho các bên liên quan đến tàu, hàng hóa và hành khách, chuẩn bị tài liệu, giấy tờ về hàng hóa/hành khách, thu xếp giao hàng cho người nhận hàng; làm thủ tục hải quan, biên phòng có liên quan đến tàu và thủ tục về bốc dỡ hàng hóa, hành khách lên xuống tàu; - Thực hiện việc thu hộ, trả hộ tiền cước, tiền bồi thường, các khoản tiền khác; thu xếp việc cung ứng cho tàu biển tại cảng; - Ký kết hợp đồng thuê tàu, làm thủ tục giao nhận tàu và thuyền viên; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa; - Thực hiện các thủ tục liên quan đến tranh chấp hàng hải, các công việc khác theo ủy quyền. - Các công việc phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận hàng hóa, vận chuyển hành khách và hành lý trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển (kể cả hợp đồng vận tải đa phương thức). - Cho thuê, nhận thuê hộ phương tiện vận tải biển, thiết bị bốc dỡ, kho tàng, bến bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác; - Làm đại lý công-te-nơ (container). - Giải quyết các công việc khác theo ủy quyền	5225
26.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ Môi giới bất động sản	6820
31.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
32.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511

33.	Sản xuất giày, dép	1520
34.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
37.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: - Sản xuất nhôm từ alumin; - Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn; - Sản xuất hợp kim nhôm; - Sơ chế nhôm;	2420
38.	Đúc sắt, thép	2431

39.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;	2599
40.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
41.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
42.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
43.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
44.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
45.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

48.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
49.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
57.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
59.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
60.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
61.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
64.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng; (trừ hoạt động đấu giá)	4789
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
73.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

74.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
75.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
76.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
77.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
78.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
79.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
80.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
81.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.	2511
82.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia laser.	2592
83.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
84.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
85.	Sản xuất máy luyện kim	2823
86.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
87.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
88.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
89.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
90.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
91.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
92.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
93.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
94.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

95.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
96.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
97.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
99.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
100.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
101.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
102.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
103.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	5222
106.	Bốc xếp hàng hóa	5224
107.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
108.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
109.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
110.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý: lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển...	7020

111.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý dự án Thi công xây dựng công trình Quản lý chi phí đầu tư xây dựng Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Tư vấn Lựa chọn nhà thầu (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật)	7110
112.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
113.	Cho thuê xe có động cơ	7710
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch	7990
116.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (Thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan)	8559

117.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
118.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
119.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
120.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
121.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
122.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
123.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
124.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
125.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
126.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
127.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
128.	Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa	1702
129.	In ấn (Trừ loại hình Nhà nước cấm)	1811
130.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
131.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
132.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
133.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
134.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
135.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
136.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
137.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
138.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
139.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
140.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
141.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
142.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
143.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
144.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
145.	Xây dựng nhà để ở	4101
146.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
147.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
148.	Xây dựng công trình điện	4221
149.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
150.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
151.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
152.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

153.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
154.	Bán buôn thực phẩm	4632
155.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
156.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
157.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
158.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
159.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
160.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
161.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
162.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
163.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
164.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
165.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
166.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
167.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
168.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Kế hoạch tài chính, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự	8211
169.	Sản xuất đồng hồ	2652
170.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
171.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
172.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
173.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau	3100
174.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
175.	Sản xuất nhạc cụ	3220
176.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG NHÂN NGHĨA	Khu 11, Xã Thanh Đình, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	90,000	131166079	
			Tổng số	90.000	900.000.000	90,000		
2	NGUYỄN VĂN THUYẾT	Khu 4, Xã Thanh Đình, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	131629194	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		
3	NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN	Khu 11, Xã Thanh Đình, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	131447123	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG NHÂN NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131166079

Ngày cấp: 31/03/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 11, Xã Thanh Đình, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 11, Xã Thanh Đình, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội